

TAND HUYỆN CẨM THỦY
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 75/2024/HNGĐ-ST

Ngày 05/07/2024

Về việc: Tranh chấp ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM THỦY - TỈNH THANH HÓA

Thành phần xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Sơn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Đình Thọ và bà Nguyễn Thị Thương

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Vân - Thư ký TAND huyện Cẩm Thủy

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Thủy tham gia phiên toà: Bà Trần Thị Dương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 07 năm 2024, Tại Hội trường xét xử TAND huyện Cẩm Thủy, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân thụ lý số 43/2024/TLST- HNGĐ ngày 09 tháng 04 năm 2024 về việc “ Ly hôn và nuôi con chung”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2024/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 05 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2024/HNGĐ ngày 07/06/2024 của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Thủy.

Giữa các đương sự :

- Nguyên đơn: Chị **Phạm Thị H** - Sinh năm 1997

HKTT: **Thôn C B, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa**

Vắng mặt tại phiên tòa - Có đơn xin vắng mặt.

- Bị đơn: Anh **Bùi Thành Đ** - Sinh năm 1995

HKTT: **Thôn C B, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa.**

Vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 (Đã được tổng đạt hợp lệ).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị **Phạm Thị H** trình bày: Chị và anh **Bùi Thành Đ** kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu trước và tổ chức cưới theo phong tục địa phương. Đăng ký kết hôn tại **UBND xã C, huyện C** vào ngày 15/09/2016. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc được 1 thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng hay xảy ra cãi nhau. Mâu thuẫn ngày càng trầm

trọng nên từ năm 2019 đến nay vợ chồng sống ly thân. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc nên chị làm đơn xin được ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Chị và anh Bùi Thành Đ có 01 con chung là cháu Bùi Thị Kim N - Sinh ngày 05/07/2016. Hiện tại cháu N đang ở với ông bà nội và anh Đ. Chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho anh Đ được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bùi Thị Kim N, chị sẽ có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung với anh Đ 2.000.000đồng/tháng.

Về tài sản chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn: Tại thời điểm chị Phạm Thị H làm đơn xin ly hôn thì anh Bùi Thành Đ không có mặt ở nhà, do đang đi làm ăn xa. Anh Đ không về nhà nhưng thường xuyên gọi điện về cho bố mẹ đẻ và cháu N. Anh Đ liên lạc với gia đình, nhưng không cung cấp địa chỉ cụ thể của mình. Do vậy Tòa án đã tiến hành xác minh tại chính quyền địa phương, đồng thời làm việc với ông Bùi Thanh Đ1 (Cha đẻ của anh Đ) để giao các văn bản tố tụng. Ông Đ1 đã nhận các văn bản tố tụng và cam kết thông báo cụ thể cho anh Đ. Ông Đ1 nói lại ý kiến của anh Đ (Có xác nhận trong biên bản làm việc với Tòa án) là: Anh Đ không về được vì lý do công việc, anh nhất trí ly hôn với chị H, anh xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu là Bùi Thị Kim N - Sinh ngày 05/07/2016, anh có nguyện vọng được nuôi con, chị H cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000đ/tháng; anh Đ không yêu cầu giải quyết về phần tài sản.

Các văn bản tố tụng Tòa án đã giao cho ông Bùi Thanh Đ1 gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Giấy triệu tập; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa. Ông Đ2 cam kết sẽ thông tin cho anh Đ biết về các văn bản tố tụng nêu trên.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Thủy: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đã thực hiện đầy đủ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ: Khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39, khoản 4 điều 147, khoản 2 điều 227 và điều 273 BLTTDS; Các điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/201/UBTVQH 14 quy định về án phí lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Đề nghị: Xử cho chị Phạm Thị H được ly hôn anh Bùi Thành Đ; Giao cháu Bùi Thị Kim N - Sinh ngày 05/07/2016 cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên, Chị H có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Đ 2.000.000đồng/tháng.

Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, căn cứ vào các quy định của pháp luật Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị **Phạm Thị H** làm đơn khởi kiện xin ly hôn đối với bị đơn là anh **Bùi Thành Đ** có hộ khẩu thường trú tại: **Thôn C B, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa**, vì vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa theo quy định tại điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 BLTTDS.

[2] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án tranh chấp về “Ly hôn và nuôi con chung” được quy định tại khoản 1 điều 28 BLTTDS.

[3] Về thủ tục xét xử vắng mặt: Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Giấy triệu tập; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa cho ông **Bùi Thanh Đ1** (Bố đẻ anh **Đ**), đồng thời ông **Đ1** cam kết thông báo cho anh **Đ** biết.

Như vậy Tòa án đã tiến hành xác minh và giao các văn bản tố tụng hợp lệ, đủ cơ sở khẳng định anh **Đ** cố tình trốn tránh, che giấu địa chỉ, không đến Tòa để giải quyết vụ án.

[4] Về Hôn nhân: Chị **H** và anh **Đ** kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại **UBND xã C, huyện C** vào ngày 15/09/2016. nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Trong quá trình chung sống chị **H** và anh **Đ** phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm. Mâu thuẫn trầm trọng và vợ chồng đã phải sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay.

Vì vậy cần áp dụng khoản 1 điều 56 Luật Hôn nhân gia đình xử cho chị **Phạm Thị H** được ly hôn anh **Bùi Thành Đ** là phù hợp.

[5] Về con chung: Chị **Phạm Thị H** và anh **Bùi Thành Đ** có 01 con chung là cháu **Bùi Thị Kim N** - Sinh ngày 05/07/2016.

Lâu nay cháu **N** đang sinh sống ổn định với anh **Đ**. Tại đơn nguyện vọng ngày 10 tháng 04 năm 2024 cháu **N** cũng muốn được tiếp tục ở với anh **Đ**. Vì vậy tiếp tục giao cho anh **Đ** trực tiếp nuôi dưỡng cháu **N** đến tuổi thành niên, chị **H** có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung hằng là phù hợp.

Về mức cấp dưỡng nuôi con chung: Chị **H** đề nghị mức cấp dưỡng nuôi con chung hằng tháng là 2.000.000đ. Xét thấy mức cấp dưỡng này là phù hợp với điều kiện và mức sống tại địa bàn **huyện C** vì vậy có cơ sở chấp nhận.

[6] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Về án phí: Chị **H** phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39, khoản 4 điều 147, khoản 2 điều 227 và điều 273 BLTTDS; Các điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/201/UBTVQH 14 quy định về án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Phạm Thị H.**

Xử cho chị **Phạm Thị H** được ly hôn anh **Bùi Thành Đ.**

Về con chung: Giao cháu **Bùi Thị Kim N**, sinh ngày 05/07/2016 cho anh **Đ** trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên. Chị **H** có trách nhiệm đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho anh **Đ** hằng tháng là 2.000.000đồng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 7 năm 2024 đến khi cháu **N** cháu đủ 18 tuổi.

Chị **H** có quyền, nghĩa vụ thăm nom chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của con, các bên đương sự có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Chị **H** phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng chị **H** đã nộp theo biên lai thu số 0000970 ngày 09 tháng 04 năm 2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Cẩm Thủy.

Chị **H** còn phải chịu 300.000đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSNDH. Cẩm Thủy;
- UBND xã thực hiện đăng ký;
- Lưu Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Trọng Sơn